

Số: 2236/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 26 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia  
cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045  
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng  
Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông  
thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/02/2022 của Bộ Nông  
nghiệp và PTNT về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược cấp nước sạch  
và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số  
189/TTr-SNN&PTNT ngày 08/8/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, các hội đoàn thể tỉnh;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

D:\Dropbox\minh tam b\Nam 2022\Quyết định\08 23 ban hành Kế hoạch nước sạch.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Quang Bửu**

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

*(Kèm theo Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

Thực hiện Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam với những nội dung như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để tổ chức, triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh phù hợp thực tiễn, phát huy hiệu quả cao, thúc đẩy công tác cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn ngày càng phát triển.

- Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để triển khai thực hiện và phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện, từng bước nâng cao chất lượng công tác cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn.

### **2. Yêu cầu**

- Các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện Kế hoạch một cách nghiêm túc, đồng bộ, đồng thời kiểm tra, theo dõi, đôn đốc, sơ kết, tổng kết đánh giá để kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp, tháo gỡ khó khăn trong tổ chức thực hiện.

- Hoạt động cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn phải thực hiện theo phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm, dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng. Đẩy mạnh xã hội hóa cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn, thu hút mọi nguồn lực tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình, đảm bảo hoạt động hiệu quả, bền vững.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

- Đảm bảo người dân nông thôn được quyền tiếp cận sử dụng dịch vụ cấp nước sạch công bằng, thuận lợi, an toàn với chi phí hợp lý; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình và khu vực công cộng, vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh.

- Bảo vệ sức khỏe, giảm các bệnh liên quan đến nước và vệ sinh, nâng cao

chất lượng cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn với thành thị, góp phần xây dựng nông thôn mới.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **a) Đến năm 2030**

- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 96%, trong đó phần đầu tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt 60% trở lên.

- 100% hộ gia đình nông thôn, trường học, trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; 100% người dân nông thôn thường xuyên thực hiện vệ sinh cá nhân.

- Phần đầu 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý; 75% hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi.

### **b) Đến năm 2045**

- Phần đầu 100% người dân nông thôn được sử dụng nước sạch và vệ sinh an toàn, bền vững.

- 100% hộ gia đình nông thôn, trường học, trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; 100% người dân nông thôn thường xuyên thực hiện vệ sinh cá nhân.

- Phần đầu 50% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 30% nước thải sinh hoạt được xử lý; 100% hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi.

## **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách**

- Tổ chức xây dựng Đề án phát triển nước sạch nông thôn và miền núi tỉnh Quảng Nam

- Tổ chức xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ đầu tư, quản lý vận hành công trình sau đầu tư tại các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực bãi ngang, ven biển, biên giới và hải đảo; hỗ trợ các đối tượng hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ dân sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn được sử dụng nước sạch, dịch vụ vệ sinh phù hợp, đảm bảo an sinh xã hội.

- Rà soát xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp đầu tư cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn, trong đó: nghiên cứu có cơ chế, chính sách tín dụng phù hợp hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo sửa chữa công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các ngành, địa phương trong công tác quản lý đầu tư, quản lý vận hành công trình cấp nước sạch, vệ sinh nông thôn.

- Nghiên cứu quy định mô hình tổ chức quản lý công trình nước sạch nông thôn khu vực miền núi đảm bảo hiệu quả, phục vụ an sinh xã hội.

## **2. Về thông tin, giáo dục, truyền thông**

- Thực hiện hoạt động giáo dục, truyền thông để tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách; thay đổi hành vi, thói quen; sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân; hướng dẫn người dân chủ động tích trữ nước để sử dụng trong mùa khô, thời gian hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt.

- Các cơ quan truyền thông, báo chí thực hiện đa dạng loại hình truyền thông, kết hợp giữa phương thức truyền thống với ứng dụng công nghệ thông tin, tập trung vào vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bãi ngang, ven biển.

- Chia sẻ thông tin liên quan đến công tác lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; công bố thông tin chất lượng nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng nước đối với các nguồn cấp nước sinh hoạt trên địa bàn.

- Huy động tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng tích cực tham gia truyền thông nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước.

## **3. Về cấp nước sạch nông thôn**

### **a) Cấp nước sạch tập trung**

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh về quy định cơ chế khuyến khích, hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; theo đó, tập trung thực hiện:

+ Mở rộng mạng lưới cấp nước sạch tập trung khu vực đô thị đến các địa phương khu vực nông thôn lân cận;

+ Sửa chữa nâng cấp các công trình cấp nước sạch tập trung hiện có đảm bảo hoạt động hiệu quả;

+ Đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước sạch tập trung gắn với khai thác, quản lý vận hành theo quy hoạch được duyệt, đảm bảo an ninh nguồn nước, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Nhà nước ưu tiên đầu tư công trình tạo nguồn cấp nước (xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa các hồ chứa thủy lợi, đập dâng); hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung cho vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực bãi ngang, ven biển, biên giới, hải đảo.

### **b) Cấp nước quy mô hộ gia đình**

Thực hiện các giải pháp cấp nước quy mô hộ gia đình đối với những vùng gặp khó khăn trong đầu tư công trình cấp nước tập trung hoặc đầu tư công trình cấp nước tập trung không hiệu quả, vùng chưa có khả năng tiếp cận với cấp nước tập trung, nhất là các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng

xa, vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, khu vực bãi ngang, ven biển, trong đó tập trung:

- Đầu tư xây dựng bể trữ nước mưa và các hình thức trữ nước khác: đường ống, bồn chứa nước... phù hợp đặc thù vùng, miền để đảm bảo nhu cầu nước sinh hoạt.

- Nhân rộng áp dụng mô hình thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình; thí điểm áp dụng ki ốt, cây ATM cung cấp nước uống trực tiếp cho cụm dân cư, trường học trong trường hợp khẩn cấp do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh.

- Hướng dẫn kiểm tra, giám sát chất lượng nước quy mô hộ gia đình; sử dụng vật liệu thu, xử lý, trữ nước an toàn hộ gia đình.

#### c) Cấp nước an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Xây dựng hướng dẫn và triển khai kế hoạch cấp nước an toàn đảm bảo ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác giám sát đánh giá thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

- Chia sẻ nguồn nước và các thông tin liên quan tới nguồn nước giữa các ngành, địa phương phục vụ công tác cấp nước, quản lý, bảo vệ nguồn nước.

- Nâng cao năng lực xét nghiệm chất lượng nước cho các đơn vị cấp nước, đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm và thiết bị xét nghiệm hiện đại phục vụ công tác nội, ngoại kiểm chất lượng nước; năng lực xác định và xử lý sự cố gây gián đoạn, ngưng trệ hiện tượng cấp nước.

- Thiết lập hệ thống kiểm soát, cảnh báo chất lượng, trữ lượng nguồn nước sinh hoạt, kiểm soát ô nhiễm nguồn cấp nước sinh hoạt từ các hoạt động dân sinh, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và có phương án thay thế nguồn nước trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước.

- Xây dựng kế hoạch chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và khắc phục hậu quả thiếu nước sinh hoạt do ảnh hưởng thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng; đảm bảo duy trì tối thiểu nguồn cấp nước sinh hoạt trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh.

#### d) Quản lý vận hành

- Tổ chức quản lý vận hành công trình cấp nước sạch, công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt theo một số mô hình phù hợp với từng loại hình, vùng miền, hướng đến chuyên nghiệp hóa công tác quản lý vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, bảo đảm công trình cấp nước sạch nông thôn hoạt động ổn định, an toàn, hiệu quả, bền vững và nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Rà soát các công trình hiện có không hoạt động và hoạt động kém hiệu quả để có các phương án xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung theo đúng quy định.

- Xây dựng và thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá nước sạch nông thôn; hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật quản lý vận hành công trình sau đầu tư tại các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào

dân tộc thiểu số, khu vực bãi ngang, ven biển, biên giới và hải đảo.

- Huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý vận hành và bảo vệ công trình cấp nước, công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng” với hỗ trợ chuyên môn, hướng dẫn kỹ thuật của đơn vị chuyên trách.

#### **4. Về vệ sinh nông thôn**

##### **a) Vệ sinh hộ gia đình và khu vực công cộng**

- Triển khai, nhân rộng phong trào cộng đồng không phóng uế bừa bãi, hướng tới thay đổi nhận thức, hành vi vệ sinh của người dân, tăng tỷ lệ hộ gia đình xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, góp phần đạt được mục tiêu “Một Việt Nam không còn phóng uế bừa bãi” vào năm 2025.

- Ứng dụng và phổ biến các giải pháp công nghệ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, phù hợp tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân; hỗ trợ kỹ thuật xây dựng, quản lý sử dụng công trình vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh công cộng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; tiếp cận đồng bộ dịch vụ vệ sinh an toàn gắn với truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường.

##### **b) Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt**

- Xây dựng lộ trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư tập trung đảm bảo phù hợp với quy hoạch và đồng bộ với kết cấu hạ tầng nông thôn.

- Thí điểm áp dụng các mô hình công nghệ thu gom và xử lý nước thải chi phí thấp, hạn chế hóa chất, sử dụng năng lượng tái tạo, ít phát sinh chất thải thứ cấp phù hợp với đặc điểm và quy mô khu dân cư nông thôn tập trung.

- Huy động các nguồn lực tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải, nhất là nguồn lực ngoài ngân sách thông qua áp dụng các chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp trong sử dụng đất, thuế, phí, lệ phí, thủ tục hành chính, kinh phí đầu tư và sau đầu tư.

##### **c) Xử lý chất thải chăn nuôi**

- Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật và khuyến khích áp dụng các giải pháp xử lý chất thải chăn nuôi thân thiện với môi trường, phù hợp với xu hướng phát triển nông nghiệp tuần hoàn.

- Quản lý chất thải tại các cơ sở chăn nuôi tập trung đảm bảo đúng yêu cầu quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, không làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, không gây ô nhiễm môi trường. Hộ chăn nuôi, chủ trang trại chăn nuôi chịu trách nhiệm xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo đúng quy định.

- Thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ người dân xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh và xử lý chất thải chăn nuôi.

#### **5. Về khoa học công nghệ**

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, giải pháp cấp nước và vệ sinh thân thiện với môi trường, không ảnh hưởng sức khỏe người dân, ưu tiên công nghệ đơn giản, giá thành phù hợp với khả năng chi trả của người dân.

- Nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới, tận dụng nguyên vật liệu địa phương trong xây dựng công trình, bảo đảm chất lượng, kỹ thuật, mỹ quan và cảnh quan công trình.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát nguồn nước, chất lượng nước, thực hiện số hóa, tự động hóa công tác quản lý vận hành và bảo vệ công trình.

- Nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ xử lý nước mặn, nước lợ thành nước ngọt; thu gom, xử lý và trữ nước mưa đảm bảo chất lượng; công nghệ xử lý nước hộ gia đình đảm bảo vận hành đơn giản, hiệu quả; khai thác và sử dụng năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, sóng, gió... trong sản xuất nước sạch và xử lý nước thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi.

## **6. Về huy động nguồn lực**

- Ưu tiên nguồn lực từ ngân sách nhà nước, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, nhất là nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia: Xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững và các chương trình, dự án khác có mục tiêu về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn.

- Thu hút nguồn lực của các thành phần kinh tế xã hội, huy động sự tham gia, đóng góp của người dân trong đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình cấp nước, vệ sinh môi trường nông thôn và hỗ trợ hoạt động cấp nước quy mô hộ gia đình.

- Tiếp tục thực hiện cho vay vốn đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước tập trung, cấp nước quy mô hộ gia đình và công trình vệ sinh môi trường nông thôn thông qua chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước, chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, đặc biệt tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước.

- Tranh thủ sự hỗ trợ nguồn lực, khoa học, công nghệ, trang thiết bị của các quốc gia, tổ chức quốc tế trong cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn, nhất là các chương trình, dự án cấp nước, vệ sinh nông thôn ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn.

## **7. Về phát triển nguồn nhân lực**

Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng cho lực lượng quản lý và vận hành công trình; ưu tiên đội ngũ quản lý, vận hành mô hình công trình cộng đồng quản lý. Tăng cường năng lực cho lực lượng quản lý ở cơ sở trong công tác lập kế hoạch, quản lý, giám sát, đánh giá hoạt động cấp nước và vệ sinh.

## **8. Về giám sát đánh giá**

- Cập nhật và thực hiện Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá nước sạch nông thôn; xây dựng cơ chế quản lý, khai thác, chia sẻ cơ sở dữ liệu về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đảm bảo tin cậy, hiệu quả.

- Tăng cường giám sát chất lượng nước đảm bảo quy chuẩn; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước, xả chất thải, nước thải không đúng quy định; huy động sự tham gia, giám sát của cộng đồng và người dân trong hoạt động cấp nước và vệ sinh, đặc biệt là công tác bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Hằng năm, căn cứ nội dung Kế hoạch và tình hình thực tế, các Sở ngành, địa phương chủ động xây dựng dự toán kinh phí thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp kết quả thực hiện để báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Nông nghiệp và PTNT**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách huy động nguồn lực xã hội cho Kế hoạch hành động.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành thực hiện:

- + Xây dựng Đề án phát triển nước sạch nông thôn và miền núi tỉnh Quảng Nam;

- + Xây dựng chính sách hỗ trợ đầu tư, quản lý vận hành công trình sau đầu tư tại các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước; hỗ trợ các đối tượng hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ dân sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn được sử dụng nước sạch, dịch vụ vệ sinh phù hợp, đảm bảo an sinh xã hội;

- + Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh nông thôn hằng năm nhằm tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của cộng đồng về lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn;

- + Cập nhật và thực hiện Bộ chỉ số theo dõi- đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Nam;

- + Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, báo cáo cấp thẩm quyền theo quy định;

- + Đề xuất sửa đổi, bổ sung Kế hoạch khi cần thiết.



- Phối hợp thực hiện công tác xúc tiến đầu tư các công trình và hệ thống cấp nước sạch khu vực nông thôn.

- Tổ chức thống kê, tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

## **2. Sở Xây dựng**

- Chủ trì, triển khai thực hiện nhiệm vụ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt dân cư nông thôn tập trung và các giải pháp để đạt được mục tiêu của Kế hoạch theo chức năng quản lý nhà nước được giao.

- Chủ trì, hướng dẫn UBND cấp huyện, xã lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng của các xã đảm bảo hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng, tiến độ, hiệu quả việc thực hiện Kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn của các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 về quy định cơ chế khuyến khích, hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch.

## **3. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước được phân công; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, Ban, ngành và huyện, thị xã, thành phố thực hiện tốt kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu và khắc phục hậu quả thiếu nước sinh hoạt do thiên tai gây ra.

- Tăng cường công tác bảo vệ môi trường nhằm giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, bảo vệ đa dạng sinh học và các khu bảo tồn; đề xuất và thực hiện các giải pháp bảo vệ tài nguyên nước trong điều kiện biến đổi khí hậu.

- Theo dõi, quản lý việc khai thác sử dụng nguồn nước, việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước; hướng dẫn, kiểm tra việc lập và quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, giám sát các nguồn gây ô nhiễm nguồn nước.

- Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục cấp giấy phép tài nguyên nước, giấy phép môi trường; giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định hiện hành của nhà nước về đầu tư các Dự án nước sạch nông thôn.

## **4. Sở Y tế**

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước được phân công chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân, cấp nước, vệ sinh trong trạm y tế và các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu của Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn thực hiện quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình và công trình công cộng, vệ sinh cá nhân.

- Tổ chức và phối hợp thực hiện công tác truyền thông, hướng dẫn, vận động cộng đồng về sử dụng bảo quản nguồn nước; xây dựng, sử dụng và bảo quản nhà tiêu hộ gia đình để nâng cao nhận thức cộng đồng.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt và tình trạng vệ sinh của các công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bộ Y tế.

### **5. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Phối hợp với các Sở, ngành thực hiện nhiệm vụ cấp nước, vệ sinh trong trường học và các nhiệm vụ, giải pháp khác để đạt được mục tiêu của Kế hoạch.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường công tác truyền thông, lồng ghép các chương trình giáo dục về sử dụng nước sạch, vệ sinh vào chương trình dạy học chính khóa và các hoạt động ngoài giờ; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu liên quan đến chủ đề nước sạch, vệ sinh trong trường học.

### **6. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh cân đối, đề xuất các nguồn kinh phí hằng năm và nguồn vốn đầu tư trung hạn của tỉnh trong lĩnh vực cấp nước và vệ sinh nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu, cụ thể hóa các cơ chế chính sách của Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực cung cấp, tiêu thụ nước sạch nông thôn phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế, đặc biệt là hình thức đầu tư có sự tham gia của nhà nước và tư nhân (PPP).

- Thực hiện việc lồng ghép nội dung Chiến lược vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án khác có liên quan.

- Đối với các dự án, công trình cấp nước sạch tập trung bằng hình thức đầu tư công tổ chức thẩm định chủ trương đầu tư, trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đối với dự án thuộc danh mục các công trình cấp nước sạch tập trung do UBND tỉnh phê duyệt để kêu gọi đầu tư tổ chức thẩm định, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định.

### **7. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét thẩm định phương án giá nước sạch do các đơn vị cấp nước đề xuất, tham mưu

UBND tỉnh quyết định giá nước sạch nông thôn, thực hiện điều chỉnh giá theo lộ trình tại địa phương (theo Thông tư số 44/2021/TT-BTC lộ trình điều chỉnh giá nước sạch tối đa 05 năm), trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hỗ trợ về giá nước sạch (nếu có) đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế tại tỉnh và tương đồng với các tỉnh lân cận.

- Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính tổng hợp tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách để thực hiện Kế hoạch này theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu, cụ thể hóa các cơ chế chính sách của Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực cung cấp, tiêu thụ nước sạch nông thôn phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế.

- Nghiên cứu, tham mưu chính sách hỗ trợ cho các đơn vị trực tiếp thực hiện công tác quản lý vận hành công trình cấp nước, nhằm đảm bảo các công trình cấp nước đã đầu tư phát huy hiệu quả, hoạt động bền vững lâu dài.

## **8. Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở ngành có liên quan rà soát, tham mưu điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách có liên quan tới tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, xã hội hóa nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ, góp phần hỗ trợ công nghệ gắn liền với đời sống người dân, nâng cao khả năng tiếp cận và hiệu quả sử dụng trong thực tiễn.

## **9. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh**

Bố trí kế hoạch cho vay vốn hỗ trợ người dân hàng năm trong việc xây dựng công trình cấp nước nhỏ lẻ và nhà tiêu hợp vệ sinh để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ của Chiến lược.

## **10. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

- Tổ chức tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của Nhân dân về bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước, sử dụng nước sạch tiết kiệm và an toàn; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân.

- Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ, phòng ngừa các nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước, khu vực bảo vệ nguồn nước, xử lý kịp thời các sự cố, các vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước và mất an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý.

- Tổ chức vận động, huy động nguồn vốn Nhân dân đóng góp và sự tham gia của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư và quản lý sử dụng các công trình cấp nước theo quy định của UBND tỉnh.

- Chỉ đạo, kiểm tra các đơn vị quản lý vận hành các công trình cấp nước trực thuộc (nếu có) thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

- Hỗ trợ các chủ đầu tư trong quá trình thi công xây dựng và quản lý vận hành khai thác các công trình cấp nước trên địa bàn, nhất là công tác bảo vệ tài sản công trình.

### **11. Chế độ thông tin báo cáo**

Định kỳ hàng năm, các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan tiến hành đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện, trong đó nêu rõ việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành, nguyên nhân và đề xuất giải pháp tháo gỡ, xử lý gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Tổng cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và PTNT theo quy định./.

**PHỤ LỤC**  
**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA CẤP NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM**

STT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
<b>I</b>	<b>TỔ CHỨC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC</b>					
1	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Chiến lược	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Cuộc họp, hội nghị, bản tin, tài liệu	2022	2025
2	Tổ chức phát động Tuần lễ quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn hàng năm và triển khai các hoạt động hưởng ứng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Hội nghị, các hoạt động hưởng ứng	Hàng năm	
3	Thực hiện các hoạt động giáo dục, truyền thông để tuyên truyền phổ biến pháp luật, cơ chế chính sách, thay đổi hành vi thói quen; sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả; bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân; hướng dẫn người dân chủ động tích, trữ nước để sử dụng trong mùa khô, thời gian hạn hán, ngập lụt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Cuộc họp, bản tin, tài liệu	Hàng năm	

STT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
4	Đa dạng loại hình truyền thông, kết hợp giữa phương thức truyền thống với ứng dụng công nghệ thông tin, tập trung vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Cuộc họp, bản tin, tài liệu	Hàng năm	
5	Huy động các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng tích cực tham gia truyền thông ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước. Chia sẻ thông tin liên quan đến lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng nước đối với các nguồn cấp nước sinh hoạt trên địa bàn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Cuộc họp, bản tin, tài liệu	Hàng năm	
<b>II</b>	<b>HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH</b>					
1	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung ban hành các văn bản hướng dẫn, cơ chế, chính sách về lĩnh vực nước sạch và vệ sinh nông thôn đồng bộ, thống nhất, huy động tối đa các nguồn lực của xã hội cho đầu tư phát triển, tạo động lực khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia hoạt động đầu tư lĩnh vực nước sạch và vệ sinh nông thôn. Thúc đẩy xã hội hóa có cơ chế chính sách tín dụng phù hợp hỗ trợ xây dựng, cải tạo, sửa chữa mở rộng công trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, khuyến khích người dân sử dụng nước tiết kiệm.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Văn bản, Quyết định	2022	2025

STT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
	Xây dựng Đề án phát triển nước sạch nông thôn và miền núi tỉnh Quảng Nam	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Đề án	2022	2022
2	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Quyết định	2022	2022
3	Tiếp tục thực hiện hỗ trợ cho vay vốn đầu tư xây dựng, cải tạo sửa chữa công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, hỗ trợ cho hộ dân vay vốn xây dựng các công trình cấp nước nhỏ lẻ; hỗ trợ vay vốn các hộ nghèo, vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Văn bản, Quyết định	2022	2030
<b>III</b>	<b>ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN</b>					

STT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	Xã hội hóa, khuyến khích, hỗ trợ đầu tư các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh gắn với khai thác quản lý vận hành theo quy hoạch được duyệt; hỗ trợ từ nguồn vốn đầu tư công đối với các địa phương đầu tư hệ thống cấp nước không kêu gọi được doanh nghiệp đầu tư theo cơ chế của Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Quyết định	Hàng năm	2025 và các năm tiếp theo
2	Huy động, lồng ghép các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và huy động các nguồn vốn hợp pháp để khác đầu tư mới, nâng cấp, sửa chữa, mở rộng hoàn thiện hệ thống các công trình cấp nước nông thôn tập trung, trong đó, ưu tiên đầu tư công trình tạo nguồn cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, khu vực thường xuyên ảnh hưởng của hạn hán, ô nhiễm nguồn nước, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Quyết định	Hàng năm	2025 và các năm tiếp theo



STT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
3	Đầu tư nâng cấp 03 công trình, sửa chữa 30 công trình nước sạch cho người dân tại các vùng tái định cư thủy điện ở các huyện Bắc Trà My, Nam Trà My, Phước Sơn, Nam Giang, Đông Giang, Tây Giang theo Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Phát triển nông thôn; UBND các huyện: Bắc Trà My, Nam Trà My, Phước Sơn, Nam Giang, Đông Giang, Tây Giang và các đơn vị liên quan	Kế hoạch	2022	2025 và các năm tiếp theo
4	Kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư công trình cấp nước tập trung nông thôn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Kiểm tra, báo cáo	Hàng năm	
5	Thẩm định phương án giá nước sạch do các đơn vị cấp nước đề xuất, tham mưu cho UBND tỉnh quyết định giá nước sạch, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hỗ trợ về giá nước sạch (nếu có) đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế tại tỉnh và tương đồng với các tỉnh lân cận.	Sở Tài chính	Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định	Theo đề xuất của các đơn vị quản lý công trình nước sạch	
6	Tổng hợp tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách để thực hiện Kế hoạch này theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Kế hoạch	Hàng năm	
<b>IV</b>	<b>CẤP NƯỚC HỘ GIA ĐÌNH</b>					

STT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	Cho vay vốn để hộ gia đình đầu tư xây dựng bể trữ nước và các hình thức trữ nước khác phù hợp với đặc thù vùng, miền để đảm bảo nhu cầu nước sinh hoạt.	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Kế hoạch	Hàng năm	
2	Hướng dẫn kiểm tra, giám sát chất lượng nước quy mô hộ gia đình. Hỗ trợ kỹ thuật hướng dẫn sử dụng vật liệu thu, xử lý, trữ nước an toàn hộ gia đình.	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Tài liệu hướng dẫn, báo cáo	Hàng năm	
3	Thí điểm áp dụng trạm (ki ốt) cung cấp nước uống trực tiếp cho cụm dân cư, trường học trong trường hợp khẩn cấp do ảnh hưởng của thiên tai dịch bệnh. Hướng dẫn về quy định vật tư, thiết bị áp dụng trong công trình cấp nước quy mô hộ gia đình; trách nhiệm của các đơn vị cung cấp vật tư, thiết bị.	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Chương trình, Tài liệu hướng dẫn, báo cáo	Hàng năm	
<b>V</b>	<b>CẤP NƯỚC AN TOÀN VÀ THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b>					
1	<p>Đôn đốc, hướng dẫn thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn đảm bảo ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.</p> <p>Chia sẻ nguồn nước và các thông tin liên quan tới nguồn nước giữa các ngành, địa phương phục vụ công tác cấp nước quản lý về nguồn nước.</p>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Kế hoạch, tài liệu hướng dẫn, báo cáo	Hàng năm	

STT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
2	Nâng cao năng lực xét nghiệm chất lượng nước, đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm và thiết bị xét nghiệm hiện đại phục vụ công tác nội, ngoại kiểm chất lượng nước.	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Tài liệu hướng dẫn, báo cáo	Hàng năm	
3	Tiếp tục kiện toàn Ban chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch của tỉnh.	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Văn bản, Quyết định	Hàng năm	
4	Xây dựng kế hoạch chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu do ảnh hưởng của thiên tai, hạn hán; đảm bảo duy trì tối thiểu nguồn cấp nước sinh hoạt trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các đơn vị cấp nước	Kế hoạch, báo cáo	Hàng năm	
<b>VI</b>	<b>NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC</b>					
1	Kiện toàn lại các ban quản lý, vận hành khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn ở các địa phương cho phù hợp với từng vùng, hướng tới chuyên nghiệp trong công tác quản lý vận hành bảo trì, bảo dưỡng đảm bảo các công trình cấp nước hoạt động hiệu quả, bền vững.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các đơn vị cấp nước	Quyết định	Hàng năm	

STT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
2	Rà soát đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức, đơn vị quản lý, vận hành, năng lực vận hành các công trình cấp nước sạch nông thôn; các công trình hiện có không còn hoạt động, hoạt động kém hiệu quả không còn khả năng sửa chữa hoặc sửa chữa nhưng không đem lại hiệu quả, công trình đã hết khấu hao tài sản, tổ chức kiểm tra tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định thanh lý theo quy định.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Tài liệu, báo cáo	Hàng năm	
3	Hỗ trợ kỹ thuật quản lý vận hành, công trình sau đầu tư tại các vùng khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình khó khăn, hộ nghèo.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các đơn vị cấp nước	Kế hoạch hướng dẫn	Hàng năm	
4	Huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý vận hành và bảo vệ công trình cấp nước, bảo vệ nguồn nước, công trình thu gom nước thải sinh hoạt theo phương châm "Dân biết, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng" với hỗ trợ về chuyên môn, kỹ thuật của các đơn vị chuyên trách.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	UBND các xã, phường, thị trấn	Cuộc họp, bản tin, tài liệu	Hàng năm	
<b>VII</b>	<b>XỬ LÝ CHẤT THẢI</b>					
<b>VII.1</b>	<b>Về vệ sinh hộ gia đình và khu vực công cộng</b>					
1	Triển khai, nhân rộng phong trào cộng đồng không phóng uế bừa bãi, hướng tới thay đổi nhận thức, hành vi vệ sinh của người dân, tăng tỷ lệ hộ gia đình xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, góp phần đạt được mục tiêu “Một Việt Nam không còn phóng uế bừa bãi” vào năm 2025.	Sở Y tế	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Tài liệu hướng dẫn, bản tin	Hàng năm	

STT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
2	Ứng dụng và phổ biến các giải pháp công nghệ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, phù hợp tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân; hỗ trợ kỹ thuật xây dựng, quản lý sử dụng công trình vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh công cộng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường.	Sở Y tế	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Công nghệ, giải pháp, tài liệu hướng dẫn, bản tin	Hàng năm	
<b>VII.2</b>	<b>Về chăn nuôi</b>					
1	Xây dựng tài liệu kỹ thuật hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Chăn nuôi và Thú y; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Tài liệu hướng dẫn	2022	2023
2	Tăng cường quản lý, hướng dẫn kiểm tra tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chi cục Chăn nuôi và Thú y; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Cuộc họp, bản tin, tài liệu, báo cáo	Hàng năm	
<b>VII.3</b>	<b>Về nước thải sinh hoạt</b>					

STT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	Xây dựng lộ trình và thu gom xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư tập trung đảm bảo phù hợp với quy hoạch và đồng bộ với kết cấu hạ tầng nông thôn, hướng dẫn UBND cấp huyện, xã lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng của các xã đảm bảo hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư theo quy định.	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Đề án, tài liệu hướng dẫn	Hàng năm	
	Xây dựng tỷ lệ thu gom xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn tập trung trong chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội ở cấp huyện, xã.	UBND các huyện, Thị xã, thành phố	Các đơn vị cấp nước, UBND các xã, phường, thị trấn	Đề án, kế hoạch	Hàng năm	
2	Thí điểm áp dụng các mô hình công nghệ thu gom và xử lý nước thải chi phí thấp, hạn chế hóa chất, sử dụng năng lượng tái tạo ít phát sinh chất thải thứ cấp phù hợp với đặc điểm quy mô khu dân cư nông thôn tập trung.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các đơn vị cấp nước, UBND các xã, phường, thị trấn	Tài liệu, đề án, báo cáo	2022	2026
3	Huy động các nguồn lực tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải nhất là nguồn lực ngoài ngân sách thông qua áp dụng các chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp trong sử dụng đất, thuế, phí, lệ phí thủ tục hành chính, kinh phí đầu tư và sau đầu tư.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các đơn vị cấp nước, UBND các xã, phường, thị trấn	Đề án, báo cáo	2022	2026
<b>VIII</b>	<b>KHOA HỌC CÔNG NGHỆ</b>					
1	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin giám sát nguồn nước, chất lượng nước trong công tác quản lý vận hành và bảo vệ công trình.	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Công nghệ, giải pháp	Hàng năm	

STT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
2	Nghiên cứu, áp dụng công nghệ xử lý nước, thu gom, xử lý và trữ nước mưa đảm bảo chất lượng, công nghệ xử lý nước hộ gia đình đảm bảo vận hành đơn giản hiệu quả.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Công nghệ, giải pháp	Hàng năm	
<b>IX</b>	<b>HỢP TÁC QUỐC TẾ</b>					
1	Tranh thủ sự hỗ trợ nguồn lực, khoa học, công nghệ, trang thiết bị của các quốc gia, tổ chức quốc tế trong cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn, nhất là các Chương trình, Dự án cấp nước, vệ sinh nông thôn ứng phó thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Tiếp nhận tài trợ, đầu tư	Hàng năm	
<b>X</b>	<b>NGUỒN NHÂN LỰC</b>					
1	Tăng cường năng lực cho lực lượng quản lý ở địa phương trong công tác lập kế hoạch, quản lý, giám sát, đánh giá hoạt động cấp nước nông thôn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Tài liệu hướng dẫn	Hàng năm	
2	Đa dạng hóa nội dung và hình thức đào tạo, chú trọng đào tạo thực hành; tổ chức đào tạo, đào tạo lại, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng cho lực lượng quản lý và vận hành công trình do xã quản lý.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Tài liệu hướng dẫn	Hàng năm	
<b>XI</b>	<b>TỔ CHỨC GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ</b>					

STT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	Tăng cường công tác giám sát chất lượng nước đảm bảo quy chuẩn; đánh giá kết quả thực hiện cấp nước an toàn.	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Tài liệu hướng dẫn, báo cáo	Hàng năm	
2	Thực hiện thanh tra, kiểm tra; xử lý hành vi vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước, xả chất thải không đúng quy định; huy động sự tham gia giám sát của cộng đồng và người dân trong hoạt động cấp nước và vệ sinh, đặc biệt là công tác bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Tài liệu, báo cáo	Hàng năm	
3	Tổng hợp cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về nước sạch và vệ sinh nông thôn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Số liệu, báo cáo	Hàng năm	
4	Theo dõi đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Tài liệu, báo cáo	Hàng năm	